

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số: 153A/CTCN-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

" Vv giải trình kết quả HĐKD lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả HĐKD trong BCTC quý 2 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên "

Quảng Ngãi, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

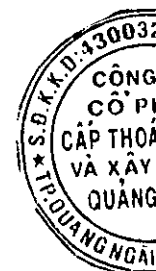
Tên cổ phiếu: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**
 Mã cổ phiếu: **QNW**
 Địa chỉ: **17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi**
 Mã số thuế: **4300326264**
 Người đại diện: **ông ĐẶNG NGỌC ANH** Chức vụ: **Giám Đốc**

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 08/10/2015 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình cụ thể khi kết quả HĐKD lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả HĐKD trong BCTC quý 2 năm 2019 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét có chênh lệch từ 5% trở lên.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc kết quả HĐKD lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả HĐKD trong BCTC quý 2 đã công bố so với BCTC bán niên được soát xét có sự chênh lệch từ 5% trở lên cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		BCTC bán niên được soát xét	BCTC quý 2/2019 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	BCTC bán niên được soát xét	BCTC quý 2/2019 trước soát xét	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30.341.209.271	30.341.209.271	0		30.341.209.271	30.341.209.271	0	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0		0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>(10=01- 02)</i>	10	30.341.209.271	30.341.209.271	0	0,00%	30.341.209.271	30.341.209.271	0	0,00%
4. Giá vốn hàng bán	11	21.090.509.390	21.203.839.646	(113.330.256)	-0,53%	21.090.509.390	21.203.839.646	(113.330.256)	-0,53%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp <i>(20=10-11)</i>	20	9.250.699.881	9.137.369.625	113.330.256	1,24%	9.250.699.881	9.137.369.625	113.330.256	1,24%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.707.410.677	3.707.410.677	0		3.813.679.961	3.813.120.266	559.695	
7. Chi phí tài chính	22	1.176.282.847	1.176.282.847	0	0,00%	1.176.282.847	1.176.282.847	0	0,00%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	1.176.282.847	1.176.282.847	0		1.176.282.847	1.176.282.847	0	
8. Chi phí bán hàng	25	964.360.783	971.947.053	(7.586.270)	-0,78%	964.360.783	971.947.053	(7.586.270)	-0,78%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.824.759.959	2.421.413.083	403.346.876	16,66%	2.867.003.729	2.463.656.853	403.346.876	16,37%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh <i>(30=20+(21-22)-(25+26)</i>	30	7.992.706.969	8.275.137.319	(282.430.350)	-3,41%	8.056.732.483	8.338.603.138	(281.870.655)	-3,38%
11. Thu nhập khác	31	8.375.069		8.375.069		8.375.069		8.375.069	
12. Chi phí khác	32	14.777.155	12.257.596	2.519.559		14.777.155	12.257.596	2.519.559	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(6.402.086)	(12.257.596)	5.855.510		(6.402.086)	(12.257.596)	5.855.510	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	7.986.304.883	8.262.879.723	(276.574.840)	-3,35%	8.050.330.397	8.326.345.542	(276.015.145)	-3,31%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.710.920.580	1.652.575.945	58.344.635	3,53%	1.723.725.683	1.665.269.109	58.456.574	3,51%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0		0	0	0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp <i>(60=50-51-52)</i>	60	6.275.384.303	6.610.303.778	(334.919.475)	-5,07%	6.326.604.714	6.661.076.433	(334.471.719)	-5,02%
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						6.306.116.550	6.640.767.371		



19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						20.488.164	20.309.062		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu									
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu									

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận trong BCTC bán niên được soát xét giảm so với BCTC quý 2-2019 trước soát xét với lý do :
 + Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng hơn 10 % và chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 3,53%
 Dẫn đến lợi nhuận trong BCTC bán niên được soát xét giảm 5,07%.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận trong BCTC bán niên được soát xét giảm so với BCTC quý 2-2019 trước soát xét với lý do :
 + Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng hơn 10 % và chi phí thuế TNDN hiện hành tăng 3,51%
 Dẫn đến lợi nhuận trong BCTC bán niên được soát xét giảm 5,02%.

Trân Trọng!

Nơi nhận:
 - Như trên;
 - Lưu P.Kế toán, P.HC

